

Số: 306/QĐ.TN

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 02 năm 2012

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp, ngành Giáo dục mầm non, hệ vừa làm vừa học, khóa tuyển sinh năm 2010, tại Trường Đại học Sư phạm-ĐHĐN

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04 tháng 04 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 05/TCCB ngày 06 tháng 01 năm 1996 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về cơ cấu tổ chức Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 13/QĐ-BGD&ĐT ngày 18 tháng 4 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục&Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp theo hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-HC ngày 03/01/2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc thành lập hội đồng thi và công nhận tốt nghiệp hệ VLVH, ngành THSP Mầm non, khóa thi ngày 07,08 tháng 01/2012 tại Trung tâm GDTX Đà Nẵng và Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ biên bản họp hội đồng xét công nhận tốt nghiệp ngày 08/02/2012 của hội đồng Trường Đại học Sư phạm;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Nay công nhận tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp, ngành Giáo dục mầm non, hệ vừa làm vừa học cho 49 học viên tại Trường Đại học Sư phạm-ĐHĐN, khóa tuyển sinh năm 2010 (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp cho các học viên có tên ở Điều 1.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo, HCTH, Ban Chủ nhiệm khoa Giáo dục Tiểu học & Mầm non và các học viên có tên ở Điều 1 căn cứ quyết định thi hành.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3
- ĐHĐN (Ban Đào tạo)
- Bộ GD-ĐT (qua Ban Đào tạo)
- Lưu HCTH, ĐT



PGS.TS. LƯU TRANG

**DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

(Kèm theo Quyết định số: 306/QĐTN ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm)

Ngành đào tạo : TCCN, ngành Giáo dục mầm non, hệ vừa làm vừa học tại Trường Đại học Sư phạm

| STT | HỌ VÀ TÊN         |        | Ngày, tháng, năm sinh | Nơi sinh   | Điểm Trung bình | Xếp loại tốt nghiệp | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------|-----------------------|------------|-----------------|---------------------|---------|
| 1   | Nguyễn Thị Ngọc   | Ánh    | 03/11/85              | Đà Nẵng    | 7,5             | Khá                 |         |
| 2   | Nguyễn Thị        | Chinh  | 10/11/90              | Đà Nẵng    | 7,3             | Khá                 |         |
| 3   | Nguyễn Thị        | Diên   | 22/12/89              | Nghệ An    | 7,1             | Khá                 |         |
| 4   | Nguyễn Thị Phương | Dung   | 16/09/87              | Đà Nẵng    | 7,3             | Khá                 |         |
| 5   | Nguyễn Thị Mỹ     | Dung   | 15/07/90              | Quảng Nam  | 6,9             | Trung bình khá      |         |
| 6   | Trần Thị Hân      | Hạnh   | 01/01/87              | Quảng Nam  | 7,4             | Khá                 |         |
| 7   | Trần Thị Hồng     | Hạnh   | 26/10/85              | Quảng Nam  | 7,8             | Khá                 |         |
| 8   | Lê Thị            | Hiền   | 16/10/88              | Quảng Nam  | 7,2             | Khá                 |         |
| 9   | Trần Thị Thu      | Hiền   | 16/04/91              | Quảng Bình | 7,5             | Khá                 |         |
| 10  | Đoàn Thị          | Hiền   | 15/10/91              | Quảng Bình | 7,3             | Khá                 |         |
| 11  | Trần Thị Mỹ       | Hiệp   | 05/10/90              | Quảng Nam  | 7,1             | Khá                 |         |
| 12  | Nguyễn Thị        | Hoa    | 07/11/89              | Quảng Bình | 6,7             | Trung bình khá      |         |
| 13  | Trần Thị Thu      | Hoài   | 23/09/91              | Quảng Bình | 7,3             | Khá                 |         |
| 14  | Bùi Thị           | Hoài   | 10/05/82              | Hà Nội     | 7,0             | Khá                 |         |
| 15  | Trần Thị          | Kết    | 18/03/85              | Quảng Nam  | 7,5             | Khá                 |         |
| 16  | Đặng Thị          | Lai    | 25/04/87              | Đà Nẵng    | 7,3             | Khá                 |         |
| 17  | Nguyễn Thị        | Lài    | 06/08/90              | Hà Tĩnh    | 7,2             | Khá                 |         |
| 18  | Đinh Thị          | Lành   | 15/08/90              | Quảng Nam  | 7,3             | Khá                 |         |
| 19  | Lê Thị Hồng       | Linh   | 07/04/86              | Quảng Bình | 7,8             | Khá                 |         |
| 20  | Poloong           | Lựu    | 04/07/89              | Quảng Nam  | 6,5             | Trung bình khá      |         |
| 21  | Trần Khánh        | Ly     | 08/10/87              | Quảng Nam  | 7,7             | Khá                 |         |
| 22  | Võ Thị            | Lý     | 16/06/90              | Hà Tĩnh    | 7,2             | Khá                 |         |
| 23  | Nguyễn Thị        | Mỹ     | 12/05/90              | Quảng Nam  | 7,4             | Khá                 |         |
| 24  | Võ Thị Tố         | Nga    | 29/03/85              | Đà Nẵng    | 7,3             | Khá                 |         |
| 25  | Lê Thị            | Nga    | 09/08/86              | Nghệ An    | 7,1             | Khá                 |         |
| 26  | Nguyễn Thị        | Nga    | 10/03/89              | Đà Nẵng    | 7,5             | Khá                 |         |
| 27  | Đặng Thị          | Nga    | 03/11/81              | Nghệ An    | 7,4             | Khá                 |         |
| 28  | Phạm Thị Nguyệt   | Nga    | 24/12/90              | Quảng Nam  | 6,7             | Trung bình khá      |         |
| 29  | Đinh Thị Thúy     | Ngân   | 01/07/88              | Quảng Bình | 7,3             | Khá                 |         |
| 30  | Trương Thị Hạnh   | Nguyên | 22/05/87              | Quảng Nam  | 7,8             | Khá                 |         |
| 31  | Nguyễn Thị        | Nhị    | 20/07/90              | Quảng Nam  | 7,6             | Khá                 |         |
| 32  | Nguyễn Thị        | Nhung  | 27/06/91              | Quảng Bình | 7,4             | Khá                 |         |

| STT | HỌ VÀ TÊN            | Ngày, tháng, năm sinh | Nơi sinh       | Điểm Trung bình | Xếp loại tốt nghiệp | Ghi chú     |
|-----|----------------------|-----------------------|----------------|-----------------|---------------------|-------------|
| 33  | Nguyễn Thị Tú Oanh   | 10/10/90              | Đà Nẵng        | 7,7             | Khá                 |             |
| 34  | Nguyễn Thị Oanh      | 20/06/83              | Thừa Thiên-Huế | 6,7             | Trung bình khá      |             |
| 35  | Thân Thị Thanh Phụng | 25/11/90              | Quảng Nam      | 6,9             | Trung bình khá      |             |
| 36  | Võ Thị Ngọc Phương   | 14/10/91              | Quảng Nam      | 7,8             | Khá                 |             |
| 37  | Cù Thị Phụng         | 01/12/89              | Quảng Nam      | 7,6             | Khá                 |             |
| 38  | Nguyễn Ái Quỳnh      | 26/08/91              | Quảng Bình     | 7,8             | Khá                 |             |
| 39  | Võ Thị Hải Thanh     | 27/07/85              | Quảng Trị      | 7,6             | Khá                 |             |
| 40  | Nguyễn Thị Thị       | 29/08/88              | Quảng Nam      | 7,2             | Khá                 |             |
| 41  | Trần Thị Thơ         | 09/09/90              | Đắk Lắk        | 7,3             | Khá                 |             |
| 42  | Nguyễn Thị Thoa      | 25/09/90              | Đà Nẵng        | 6,7             | Trung bình khá      |             |
| 43  | Nguyễn Thị Thống     | 02/01/85              | Hà Tĩnh        | 7,6             | Khá                 |             |
| 44  | Mai Thị Bích Tra     | 22/04/91              | Quảng Nam      | 7,4             | Khá                 |             |
| 45  | Phan Thị Hoàng Uyên  | 10/06/88              | Quảng Nam      | 7,0             | Khá                 |             |
| 46  | Phạm Thị Vận         | 26/08/88              | Hải Dương      | 7,6             | Khá                 |             |
| 47  | Trần Thị Vân         | 27/12/79              | Quảng Bình     | 6,9             | Trung bình khá      |             |
| 48  | Phạm Thị Hậu         | 05/05/90              | Quảng Trị      | 7,1             | Khá                 | TS.178/2009 |
| 49  | Phạm Thị Bích Phương | 20/02/89              | Đà Nẵng        | 8,1             | Giỏi                | TS.178/2009 |

Án định danh sách này có 49 (bốn chín) học viên được công nhận tốt nghiệp, trong đó có:

Nam: 0 - Nữ: 49

- 01 xếp loại Giỏi
- 40 xếp loại Khá
- 08 xếp loại Trung bình khá

Đã trình ký 49 bằng TN TC CN  
28.3.2012

Đã ký 49 bằng TN TC CN  
Đã ký 28/03/2012  
[Signature]

KT. HIỆU TRƯỞNG [Signature]  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG